

SỰ GIAO THOA GIỮA NGÔN NGỮ, VĂN HOÁ VÀ DỊCH THUẬT ỨNG DỤNG TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ¹

NGUYỄN MINH CHÍNH²

Abstract: Language forms part of institutional culture, however, it is the differences in mental culture that primarily account for the differences among languages used in translation. Translation is considered a culturally specific act of communication and one of the most essential, basic and complete means of cultural transmission. Nevertheless, differences between languages and cultures continue to create barriers in the process of teaching / learning foreign languages and translation. This paper discusses the intersection of language, culture and translation as an intercultural communication event through a comparison of between Vietnamese and English items. Based on this discussion, the paper suggests ways of incorporating language-culture relationships into the construction of language lessons and learning activities for teaching and learning Vietnamese and English as foreign languages at the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi.

Keywords: *Language, culture, translation, foreign language learning and teaching, Vietnamese learning and teaching.*

1. Mở đầu

Văn hoá bao hàm hầu hết mọi thứ trên thế giới từ vật chất đến tinh thần, thể chế: từ các sản phẩm sản xuất đến hệ thống xã hội, tôn giáo, giáo dục, gia tộc họ hàng, ngôn ngữ, tâm lý và hành vi con người, cách tư duy, niềm tin, quan niệm về thế giới, v.v. Ngôn ngữ thuộc về văn hoá thể chế nhưng nó là một thể chế đặc biệt: nó sở hữu tất cả các đặc điểm của văn hoá, nó không được thừa hưởng mà được toàn xã hội tiếp thu và chia sẻ các quy tắc được tất cả các thành viên trong xã hội thừa nhận và tuân thủ. Ngôn ngữ là bộ phận cực kì quan trọng của một nền văn hoá vì nó phản ánh các bộ phận khác của nền văn hoá đó, nó hỗ trợ, truyền bá, giúp phát triển các bộ phận khác và chuyển giao văn hoá. Như vậy, ngôn ngữ là mạch máu của văn hoá còn văn hoá là con đường mà ngôn ngữ hình thành và phát triển.

Sự hình thành và phát triển mọi khía cạnh của một nền văn hoá đều có mối liên hệ mật thiết với nhau, ngôn ngữ là một phần trong sự hình thành và phát triển đó. Sự thay đổi và phát triển của ngôn ngữ cho thấy văn hoá vật chất, văn hoá thể chế và văn hoá tinh thần ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ như thế nào.

Trong lịch sử nhân loại, ngôn ngữ đã chứng tỏ là công cụ tốt nhất để con người thể hiện hầu hết cảm xúc, nhu cầu, niềm tin, kinh nghiệm và thái độ của mình, đồng thời truyền tải kiến thức và truyền thống từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự đa dạng của các ngôn ngữ với các nền văn hoá khác nhau và nhu cầu giao tiếp trong đời sống con người đã khiến dịch thuật trở thành một yếu tố rất hiệu quả trong việc giao tiếp, trao đổi văn hoá và kiến thức.

Nghiên cứu về ngôn ngữ, văn hoá và dịch thuật trong mối tương quan lẫn nhau là những vấn đề có giá trị to lớn do tầm quan trọng của giao tiếp liên nhân và liên quốc gia trên thế giới. Sự đa dạng của các ngôn ngữ với các nền văn hoá khác nhau và nhu cầu giao tiếp trong đời sống con người đã khiến dịch thuật trở thành một yếu tố rất hiệu quả trong việc giao tiếp, trao đổi văn hoá và tri thức. Do đó, ngôn ngữ và văn hoá có mối liên hệ chặt chẽ và việc xem xét sự giao thoa giữa ba yếu tố ngôn ngữ, văn hoá và dịch thuật trong quá trình dạy và học dịch cũng như dạy và học ngoại ngữ là điều cần thiết.

Vì ngôn ngữ và văn hoá bổ sung cho nhau, và đặc điểm văn hoá của mỗi vùng miền là khác nhau, người dạy và người học không nên chỉ tập trung vào cùng một ý nghĩa mà hai ngôn bản truyền tải mà còn phải cố gắng nhận diện/chỉ ra sự khác biệt giữa hai quan điểm văn hoá. Bài viết này nhằm mục đích so sánh các yếu tố ngôn ngữ và văn hoá trong dịch thuật, giúp có thể ứng dụng sự giao thoa giữa các yếu tố ngôn ngữ, văn hoá và dịch thuật vào quá trình dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ. Người dạy và người học cần nhận thức được điều này để có lựa chọn thích hợp trong quá trình dạy, học và dịch của mình.

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội trong Đề tài mã số: CS.2025.22.

² Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: nguyenminhchinh_vn@yahoo.com

2. Sự giao thoa giữa ngôn ngữ, văn hoá và dịch thuật, và ứng dụng trong dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ

Từ nửa cuối thế kỉ XX, trong các nghiên cứu dịch thuật, cùng với ngôn ngữ văn hoá đã được thừa nhận là không thể tách rời được với dịch thuật. Dịch thuật không chỉ là giao tiếp một cách cơ học, đối chiếu sự tương đồng và khác biệt giữa các ngôn ngữ mà ở bất kì một cấp độ nào nó cũng phụ thuộc vào văn hoá của cộng đồng ngôn ngữ đó.

Dịch là việc truyền đạt ý nghĩa của ngôn bản ngữ nguồn sang một ngôn bản ngữ đích tương đương nên bản dịch và dịch thuật bao gồm cả ngôn ngữ và văn hoá. Sự hiểu biết đầy đủ về ngữ nguồn và sự thành thạo về ngữ đích là điều cần thiết đối với người dịch. Dịch là một quá trình phức tạp. Mỗi ngôn ngữ có cách diễn đạt nghĩa mà người sử dụng mong muốn và nó có thể rất khác về mặt hình thức và cách diễn đạt giữa các ngôn ngữ. Một trong những khó khăn mà người dạy, người học và người dịch thường gặp phải là sự sàng lọc dựa trên các quy tắc đạo đức, tôn giáo, gia đình, xã hội,... Như vậy, không chỉ ngôn ngữ mà chính văn hoá cũng là một bộ lọc trong dịch thuật và trong dạy/học ngoại ngữ.

Sự khác biệt về văn hoá là yếu tố gây ra những khó khăn to lớn nhất đối với người dạy, người học và người dịch đặc biệt là nó có thể gây ra hiểu lầm giữa người nhận ở ngữ đích với ngôn bản ngữ nguồn và với tác giả của nó cũng như giữa người nhận ở ngữ đích với người nhận ở ngữ nguồn. Mỗi cộng đồng xây dựng cho mình một nền văn hoá riêng, được chấp nhận, tôn trọng và thực hành. Những hành vi được chấp nhận sẽ khác nhau tùy theo không gian, thời gian và chịu ảnh hưởng của các chuẩn mực văn hoá khác nhau trong văn hoá ngữ nguồn và văn hoá ngữ đích. Nếu không có sự tương đồng và phổ quát về văn hoá thì những người thuộc các nền văn hoá khác nhau sẽ không thể giao tiếp được với nhau. Tuy nhiên, ranh giới giữa các nền văn hoá khác nhau luôn tồn tại, người dịch, người dạy và người học phải nhận thức được ranh giới này và phải vượt qua được chúng. Trách nhiệm của người dịch, người dạy và người học là lựa chọn ưu tiên áp dụng chuẩn mực văn hoá nào ở ngữ đích, và liệu nó có phù hợp với chuẩn mực của văn hoá ngữ nguồn hay không, nếu phù hợp thì ở mức độ nào.

Dịch thuật không chỉ là một hoạt động ngôn ngữ, nó cũng là một hoạt động văn hoá, một hành động giao tiếp giữa các nền văn hoá (House, 2009:11), vì chúng thực sự không thể tách rời nhau. Ngôn ngữ gắn liền với văn hoá: nó vừa thể hiện và định hình thực tế văn hoá, vừa thể hiện nghĩa của các thành phần ngôn ngữ. Từ ngữ, ngôn đoạn hoặc cả ngôn bản chỉ có thể hiểu được khi được xem xét trong ngữ cảnh văn hoá mà chúng được sử dụng. Trong quá trình dịch và quá trình dạy/ học ngoại ngữ, không chỉ hai ngôn ngữ mà cả hai nền văn hoá tiếp xúc với nhau.

Văn hoá phát triển cùng với sự trưởng thành của con người, chẳng hạn như việc sử dụng internet đã trở nên phổ biến trên toàn cầu, nó đã trở thành thói quen hàng ngày, không thể tránh khỏi đối với hầu hết mọi người. Cùng với việc sử dụng internet và toàn cầu hoá các nét văn hoá đại chúng khác có thể trở thành thói quen ở tất cả các quốc gia thuộc các khu vực địa lí khác nhau một cách nhanh chóng và sâu rộng hơn. Chẳng hạn như ngày lễ tình nhân (14 tháng 2), ngày của mẹ (chủ nhật thứ hai của tháng 5), ngày lễ Giáng sinh (25 tháng 12), v.v. là các ngày lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài nhưng đã được người Việt Nam du nhập và tổ chức như các ngày lễ hội có nguồn gốc từ Việt Nam. Sự vay mượn văn hoá trong dịch thuật và trong dạy/học ngoại ngữ không chỉ giúp chuyển tải thông điệp của ngôn bản ngữ nguồn, phản ánh văn hoá ngữ nguồn mà còn chuyển tải ý tưởng, phong tục, hành vi xã hội và lan tỏa văn hoá ngữ nguồn sang một nền văn hoá khác.

Brislin (1976) cho rằng con người bị giới hạn bởi ngôn ngữ được sử dụng để diễn đạt ý tưởng của mình. Các ngôn ngữ khác nhau sẽ tạo ra những giới hạn khác nhau, do đó những người nói các ngôn ngữ khác nhau sẽ có thể giới quan khác nhau. Ngôn ngữ là một phần của văn hoá và văn hoá được phản ánh và truyền lại bằng ngôn ngữ từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chúng ta có thể thấy rằng việc học một ngôn ngữ mới bao gồm cả việc học một nền văn hoá mới (Byram, 1989). Dạy và học một ngôn ngữ cũng là dạy và học văn hoá của ngôn ngữ đó. Điều thế giới chúng ta thực sự cần là tự do tìm ra những cách thức đúng đắn để diễn đạt chính mình, để hiểu và được người khác hiểu (Venuti, 2008).

Trong dạy, học và thực hành dịch thuật cũng như dạy/học một ngoại ngữ, người dạy, người học và người dịch cần hiểu rõ về tác động của văn hoá và ngôn ngữ lên quá trình dạy, học và dịch, cũng như tầm quan trọng của nó trong giao tiếp. Mọi cố gắng áp đặt hệ thống giá trị của văn hoá ngữ nguồn lên văn hoá ngữ đích đều rất nguy hiểm (Bassnett, 2002:23). Tác động của ngôn từ lên người nhận ở ngữ đích và cách các khía cạnh văn hoá có thể được cảm nhận qua bản dịch đều phải được người dịch xem xét một cách thận trọng trước khi đưa ra quyết định. Chẳng hạn khi dịch cụm từ *My God* tiếng

Anh sang tiếng Việt các phiên bản *Chúa ơi*, *Phật ơi*, *Trời ơi* đều có thể chấp nhận được, nhưng mỗi phiên bản cho thấy rằng tác giả của nó có nhận thức văn hoá khác nhau. *Trời ơi* cho thấy người dịch có cách hiểu thông thường và phổ biến hơn về văn hoá - xã hội Việt Nam. *Chúa ơi* và *Phật ơi* cho thấy sự quan tâm đến yếu tố tôn giáo. Các phiên bản này sẽ được các nhóm người nhận khác nhau chấp nhận một cách dễ dàng hơn nhưng *Trời ơi* có thể được cả nhóm người nhận theo tôn giáo và không theo tôn giáo sử dụng, cho thấy người dịch hiểu biết nhiều hơn về văn hoá và xã hội Việt Nam.

Mặc dù không có sự tương đồng và phổ quát về văn hoá thì khó có thể có giao tiếp giữa những người thuộc các nền văn hoá khác nhau và việc dịch thuật cũng như việc dạy và học một ngoại ngữ sẽ là không thể. Tuy nhiên, tương đồng và phổ quát văn hoá không phải là tuyệt đối. Sự khác biệt thường rất nhiều và nổi bật giữa các nền văn hoá tạo thành đặc trưng và đa dạng văn hoá. Để được coi là tương đương, các cấu trúc ngôn ngữ phải chuyển tải cùng một nghĩa tham chiếu, ngữ dụng và nội hàm. Chính sự khác biệt và đa dạng văn hoá làm cho tương đương bị hạn chế ở mức độ nào đó ở ngôn bản ngữ đích. Ví dụ *hippies* là một thuật ngữ dùng để chỉ cách sống của một bộ phận giới trẻ ở châu Âu và Hoa Kỳ giữa những năm 1960, họ bất mãn với những định kiến xã hội đương thời, với tầng lớp trung lưu đang bị chi phối bởi chủ nghĩa tiêu dùng và tư tưởng đàn áp; họ phản đối chiến tranh, đề cao tự do, tình yêu, hòa bình, khoan dung và bác ái; họ chủ trương từ bỏ xã hội công nghiệp quay về với thiên nhiên. Trong tiếng Việt không có từ hay cụm từ nào có thể chuyển tải hết tất cả các nét nghĩa trên cùng một lúc mà không gây hiểu lầm, từ *hippies* đã được du nhập vào tiếng Việt nhưng chủ yếu được dùng với nghĩa tiêu cực nhiều hơn là tích cực, để chỉ một cách sống có vẻ khác thường đối với hầu hết mọi người. Như vậy, từ *hippies* được sử dụng trong tiếng Việt không bao hàm tất cả các nét nghĩa như trong tiếng Anh, tiếng Việt chỉ mượn một nét nghĩa của nó mà thôi.

Tính không tương đương về nghĩa thường do sự khác biệt về văn hoá gây ra. Các chất liệu ngôn ngữ: âm thanh, ngữ điệu, trật tự từ, cấu trúc từ, câu,... đều chuyển tải một giá trị nghĩa nào đó. Nếu hình thức ngôn bản thể hiện một yếu tố nghĩa quan trọng của thông điệp hoặc phong cách (hình thức thơ lục bát, điệp vần trong tiếng Việt chẳng hạn) thì rõ ràng việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác trở thành một khó khăn to lớn đối với người dịch.

Do sự khác biệt giữa ngữ nguồn và ngữ đích nên có sự hạn chế về tính tương đương trong bản dịch, nó không chỉ thể hiện ở nghĩa của từ ngữ, đặc điểm ngữ pháp mà còn do sự khác biệt về văn hoá. Dịch và dạy/học ngoại ngữ không chỉ liên quan đến ít nhất hai ngôn ngữ mà còn liên quan đến hai nền văn hoá, nghĩa là hai hệ thống quy phạm ngôn ngữ và văn hoá ở mỗi cấp độ (Toury, 2004: 207). Để có thể dạy và học thành công người dạy và người học không chỉ cần có kiến thức về các ngôn ngữ liên quan mà còn cần hiểu biết về các nền văn hoá của các ngôn ngữ đó.

Vì văn hoá bao trùm mọi mặt của cuộc sống nên sự tương đồng và khác biệt về ngôn ngữ và văn hoá có tầm quan trọng như nhau trong dịch thuật cũng như dạy/học ngoại ngữ và không thể tách rời. Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận rằng sự khác biệt về văn hoá có thể gây khó khăn cho người dạy, người học và người dịch nhiều hơn là sự khác biệt về cấu trúc ngôn ngữ (Nida, 2003: 130).

Như vậy, dạy/học ngoại ngữ và dịch thuật chắc chắn bị ảnh hưởng bởi văn hoá ngữ nguồn và văn hoá ngữ đích, các chuẩn mực văn hoá ngữ nguồn và ngữ đích phải được quan tâm và chuyển tải trở thành một trong những vấn đề lớn trong thực tế dạy/học ngoại ngữ và dịch thuật. Những chuẩn mực văn hoá nào được ưu tiên, tương ứng với các phương pháp dịch được lựa chọn sẽ cho thấy quan điểm về việc dạy/học và dịch các yếu tố văn hoá trong ngôn bản ngữ nguồn: định hướng văn hoá đích, định hướng văn hoá nguồn hay định hướng cả hai.

Quan điểm hướng tới văn hoá ngữ đích sẽ mang lại cho người nhận ở ngữ đích những gì dễ nhận biết, thậm chí là quen thuộc. Bản dịch không còn dấu vết nào của văn hoá ngữ nguồn, người nhận không bị bất kỳ một yếu tố nước ngoài nào tác động đến. Bản dịch tạo ra một hiệu ứng tương đương một cách tự nhiên như ở người nhận ngôn bản ngữ nguồn. Người nhận ở ngữ đích phải hiểu được bản dịch đến mức họ có thể hiểu được cách người nhận ở ngữ nguồn phải hiểu ngôn bản ngữ nguồn như thế nào (Nida, 2003:36).

Một bản dịch thành công phải tạo ra được hiệu ứng tương tự như ở người nhận ngôn bản ngữ nguồn. Một trong những tiêu chí để đánh giá bản dịch chính là phản ứng của người nhận với thông điệp đã được người dịch mã hoá khi so sánh với phản ứng của người nhận ngôn bản ngữ nguồn. Như vậy, *shed crocodile tears* nên được dịch thành *nước mắt cá sấu* chứ không phải là *mèo khóc chuột*, dù hai cụm từ này có cùng nghĩa ngữ dụng trong tiếng Việt. *Shed crocodile tears* trong tiếng Anh bắt

nguồn từ một niềm tin cổ xưa rằng cá sấu thường rơi nước mắt khi ăn thịt con mồi. Nó du nhập qua tiếng Latin vào nhiều ngôn ngữ hiện đại ở châu Âu, thể hiện sự thông cảm giả tạo, cảm xúc giả dối, không chân thành, đạo đức giả, giả vờ đau buồn cho chính nạn nhân. Theo tiêu chuẩn Cơ đốc giáo điều này biểu thị một kiểu ăn năn giả tạo giống như Giuđa khóc sau khi phản bội Chúa Giêsu (Sax, 2001: 70). Trong tiếng Việt, có *nước mắt cá sấu*, *mèo khóc chuột* và *miệng nam mô bụng một bồ dao găm*, *khẩu Phật tâm xà*, *miệng Bồ Tát dạ ót ngâm* có nghĩa ngữ dụng tương đương với *shed crocodile tears*. Mặc dù *miệng nam mô bụng một bồ dao găm*, *khẩu Phật tâm xà*, *miệng Bồ Tát dạ ót ngâm* đều thể hiện nghĩa giả tạo, giả dối, giả vờ đau buồn khi luôn muốn làm hại nạn nhân, ba thành ngữ này đều có nét nghĩa liên quan đến tôn giáo nhưng hình ảnh liên tưởng đến các bộ phận cơ thể người. *Mèo khóc chuột* và *nước mắt cá sấu* đều có hình ảnh liên tưởng đến động vật nhưng cả hai thành ngữ này trong tiếng Việt đều không có gì liên quan hay hàm ẩn nét nghĩa tôn giáo. Vì vậy, việc lựa chọn *nước mắt cá sấu* là phù hợp nhất vì dù nó không hàm ẩn nét nghĩa tôn giáo nào nhưng về mặt cấu trúc cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng hay hình ảnh liên tưởng đều phù hợp. Chúng tương đương với nhau cả về mặt hình thức và chức năng. Điều này cũng chứng minh một điều rằng trong dịch thuật dù chúng ta có thể tìm thấy một tương đương cả về hình thức và chức năng (điều được coi là lí tưởng trong dịch thuật) thì vẫn có một nét nghĩa nào đó dù rất nhỏ đã bị mất đi. Bản dịch này hướng đến cả văn hoá ngữ nguồn và văn hoá ngữ đích.

Với quan điểm hướng tới văn hoá ngữ nguồn, người dạy và người dịch là người giới thiệu các nền văn hoá khác đến cộng đồng ngữ đích và đây cũng là mục đích của hầu hết người nhận ở ngữ đích. Để giữ được những đặc trưng (khác biệt) của văn hoá ngữ nguồn, các từ ngữ nguồn có thể được giữ lại (tự vay mượn) và đưa vào bản dịch (văn hoá ngữ đích). Bản dịch phải là nơi xuất hiện một nền văn hoá khác, nơi người nhận có được một cái nhìn về một nền văn hoá khác (Venuti, 2008:306; Rubel và Rosman, 2003:11).

Mọi thành phần của ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp) đều là sản phẩm của sự phát triển văn hoá. Ngữ pháp là quy tắc kiểm soát việc sử dụng ngôn ngữ, đảm bảo cho những người cùng sử dụng một ngôn ngữ có thể hiểu được nhau. Các yếu tố từ môi trường sinh thái và xã hội mà một cộng đồng người cùng chia sẻ có tác động đến tư duy của cộng đồng và sự phát triển ngôn ngữ của họ. Cách con người chấp nhận môi trường sống, đối mặt với các yếu tố khắc nghiệt và luôn luôn thay đổi, sự bất định và khó dự báo của thiên nhiên phản ánh cuộc đấu tranh sinh tồn của họ và nó cũng để lại dấu ấn trong ngôn ngữ. Thế giới tồn tại một cách độc lập với con người. Con người đã phát triển thói quen quan sát, phân tích và tìm hiểu về thế giới để thích ứng với nó. Sự đối lập giữa con người và thế giới đã đặt nền móng cho văn hoá. Một nền văn hoá phát triển nhờ những quan sát, tìm kiếm và phân tích một cách lí trí như vậy. Các đặc điểm nổi bật này của văn hoá được thể hiện đầy đủ trong ngôn ngữ bằng các đặc trưng ngữ pháp, cấu trúc từ, cú pháp và trật tự từ.

Người Việt sống ở vùng cận nhiệt đới ở Đông Nam Á, gần biển Thái Bình Dương. Với điều kiện thiên nhiên tương đối khắc nghiệt: thường xuyên phải đối diện với các điều kiện thiên nhiên thất thường, lúc thì nhiều mưa bão, lúc thì hạn hán kéo dài, người Việt phải tìm cách thích ứng với một môi trường sinh thái không có quá nhiều ưu ái. Nền kinh tế nông nghiệp tự nhiên của người Việt đã giúp họ nuôi dưỡng một quan điểm sống hòa hợp với thiên nhiên tạo thành nền tảng cho mô hình tư duy của người Việt và nhân mạnh vào trực giác, kinh nghiệm, ý thức đạo đức gia đình và xã hội, quan điểm thực tế về một cuộc sống giản dị. Tất cả những điều đó đều được phản ánh vào trong ngôn ngữ của họ. Tiếng Việt là một ngôn ngữ phân tích tính phản ánh đặc điểm tâm lí của người Việt qua sự đơn giản trong ngữ pháp, hình thức của từ ngữ không thay đổi trong mọi cách sử dụng, tính mạch lạc được nhấn mạnh, nghĩa của một từ được hiểu qua mối quan hệ của nó với các từ khác và với ngữ cảnh.

Người phương Tây như người Anh chẳng hạn, họ tôn thờ tính cách cá nhân. Khi sống trong tự nhiên họ độc lập với tự nhiên và phải đấu tranh với tự nhiên để đáp ứng nhu cầu của mình. Tư duy của họ dựa trên phân tích khoa học, định lượng và lập luận logic. Người Việt tôn thờ tính tập thể như gia đình, họ tộc, làng xã. Dù phải đấu tranh với thiên nhiên để đáp ứng nhu cầu của mình nhưng người Việt vẫn sống dựa vào thiên nhiên. Khuôn mẫu tư duy của họ dựa trên các quan sát tự nhiên và kinh nghiệm thu được từ trải nghiệm bản thân hoặc của các thành viên trong cộng đồng. Cách tư duy này được đúc kết và truyền thừa qua các thế hệ. Chính sự khác biệt giữa hai khuôn mẫu tư duy này dẫn đến nhiều điểm khác biệt giữa hai ngôn ngữ.

Trong các lĩnh vực đặc thù, từ tiếng Việt thường được sử dụng với nghĩa phổ quát, còn tiếng Anh thì thường được sử dụng với nghĩa đặc thù hoặc ngược lại. Chẳng hạn như khái niệm xe cộ hay phương tiện giao thông, tiếng Anh có rất nhiều từ chỉ các phương tiện cụ thể như: *motorcycle (or motorbike)*,

light motorcycle, heavy motorcycle, sidecar motorcycle, moped touring hoặc *touring bicycle* tương ứng trong tiếng Việt có *xe máy/ mô tô, xe máy phân khối nhỏ, xe máy phân khối lớn, xe máy ba bánh*. Tuy nhiên từ *xe máy ba bánh* đã không mô tả được đặc điểm của *sidecar motorcycle* là xe máy có thùng bên gồm khung và thân, khung có thể được gắn cố định vào xe, thùng có thể được dùng để chở người hoặc hàng hoá. *Moped touring* có thể đề cập đến hai loại xe khác nhau: *bicycle touring* (xe đạp du lịch) và *motor touring* (xe máy du lịch). Đây là các loại xe được thiết kế chuyên dụng cho các chuyến du lịch đường dài di chuyển bằng xe máy hoặc xe đạp. Tiếng Việt có từ *phượt* được dùng cho những chuyến đi dài có sử dụng xe máy hoặc xe đạp để di chuyển nhưng không có thuật ngữ tương đương cho hai loại xe chuyên dụng này. Phương tiện được sử dụng cho các chuyến *phượt* thường là xe máy hoặc xe đạp thông thường.

Từ *ô tô* trong tiếng Việt có thể quy chiếu đến bất cứ một phương tiện vận chuyển nào có 4 bánh hoặc nhiều hơn bốn bánh như *a car, a bus, a minibus, a tram, a lorry, a van, a taxi* trong tiếng Anh. Có thể phân biệt chúng trong tiếng Việt nhưng người Việt thường sử dụng thuật ngữ *ô tô* trong giao tiếp hàng ngày để chỉ các phương tiện có bốn bánh trở lên nói chung. Người Việt cũng thường sử dụng số chỗ ngồi trên xe để phân biệt các phương tiện chở người: *xe (ô tô) bốn chỗ, 16 chỗ, 24 chỗ, 45 chỗ; xe buýt* và *xe taxi* cho các phương tiện công cộng chở người trong thành phố, *xe (ô tô) tải* cho cả *lorry* và *van*.

Từ *vehicle* có nghĩa là *phương tiện giao thông* trong tiếng Anh, nhưng thuật ngữ chung này hiếm khi được người bản ngữ tiếng Anh sử dụng, ngoại trừ trong diễn ngôn chính thức hoặc pháp lý. Người bản ngữ nói tiếng Anh thích cụ thể hơn khi đề cập đến các phương tiện giao thông: *a car, a bus, a minibus, a tram, a lorry, a van, a taxi,...* Sự phát triển của ngành công nghiệp ô tô đồng nghĩa với việc có nhiều loại xe hơn ở phương Tây so với ở Việt Nam. Hiện tượng văn hoá vật chất này được phản ánh trong vô số thuật ngữ tiếng Anh để mô tả các loại xe: *platform truck, medium van, light lorry, light cross-country lorry with all-wheel drive, heavy lorry, three-way tipper, articulated vehicule, motor coach, two-door saloon car, small three-door car, three-door hatchback, four-door saloon car, eight-cylinder limousine with three rows of three-abreast seating, convertible, bucket seat buggy, estate car, sporting coupe,...* Mặc dù một số loại xe trong số này và tên gọi của chúng đã trở nên quen thuộc với người Việt Nam, chẳng hạn như xe buýt, xe buýt hai tầng và xe limousine, nhưng hầu hết vẫn còn xa lạ với người Việt Nam bình thường, do đó, họ vẫn thường gọi các loại xe có bốn bánh trở lên là ô tô. Tương tự như vậy đối với từ *rice* trong tiếng Anh. Từ này có thể tương đương với các từ *mạ, lúa, thóc, gạo, cơm* trong tiếng Việt.

Việc thường sử dụng từ phổ quát còn được thể hiện ở các khía cạnh khác của tiếng Việt như số ít, số nhiều, xác định hay không xác định của danh từ, việc lựa chọn hoàn toàn phụ thuộc vào ngữ cảnh, nếu không có ngữ cảnh, không thể đánh giá phiên bản nào là đúng. Ví dụ:

- *Anh có bút không?*

Trong tiếng Anh có thể có các tương đương như:

- *Have you got a pen?* - *Have you got pens?*

- *Have you got the pen?* - *Have you got the pens?*

- *Have you got any pens?* - *Have you got some pens?*

Nhưng cũng có thể là:

- *Lend me your pen!*

- *Can I borrow your pen?*

Tiếng Anh, giống như các ngôn ngữ Ấn-Âu khác, có mạo từ xác định và không xác định để đánh dấu danh từ; biến tố để đánh dấu thì, thể, thức của động từ, và nhiều hậu tố để xác định danh từ, tính từ và trạng từ. Từ tiếng Việt không thay đổi về thời, thể, thức, giống, số, xác định hay không xác định trong mọi cách dùng. Điều này khiến việc phân biệt các từ thuộc loại nào đôi khi trở thành khó khăn cho người học. Danh từ và đại từ tiếng Việt có hình thức giống nhau ở mọi vị trí và chức năng trong câu. Chúng chỉ có thể được phân biệt bằng chức năng ngữ pháp trong câu. Ví dụ các đại từ nhân xưng khi giữ các chức năng chủ thể và khách thể trong câu tiếng Việt. Ví dụ:

- *Anh ấy đã giúp tôi.* - *Tôi đã giúp anh ấy.*

Tuy nhiên, trong tiếng Anh đại từ nhân xưng *he* và *him*, *I* và *me* phân biệt nhau về mặt hình thức khi giữ các chức năng chủ thể và khách thể trong câu:

- *He helped me.* - *I helped him.*

Từ ngữ xưng hô trong tiếng Việt có liên quan mật thiết đến cách xưng hô giữa các thành viên trong gia đình. Cách xưng hô này vừa được coi là lịch sự vừa được coi là thân mật nhưng cách xưng

hồ này có thể gây khó khăn cho người nước ngoài học tiếng Việt, bởi vì cách xưng hô này có thể được dùng cả với những người không phải là người thân trong gia đình, thậm chí là người lạ mới gặp lần đầu tiên. Những cách xưng hô vừa thân mật vừa tôn trọng này thể hiện một xu hướng rất tự nhiên của người Việt nhưng gây không ít bối rối cho người nước ngoài học tiếng Việt, đặc biệt là khi mới bắt đầu tiếp xúc với tiếng Việt.

Câu bị động là một đặc điểm thể hiện rõ ràng cách tư duy và tính cách của cộng đồng sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong tiếng Anh, câu bị động được dùng khi muốn nhấn mạnh chủ ngữ (người hoặc vật) phải chịu ảnh hưởng hoặc tác động từ một sự việc khác. Khi chuyển câu sang thể bị động, thời được sử dụng trong câu phải giống với thời ở câu chủ động. Ví dụ:

- *He is writting a letter.* → *A letter is being written by him.*

Nếu câu có hai tân ngữ, tân ngữ được nhấn mạnh sẽ được đặt làm chủ ngữ. Thông thường, tân ngữ trực tiếp sẽ được chọn làm chủ ngữ. Ví dụ:

- *He gives Ann a cake.* → *A cake is given by him to Ann.*

Khi chuyển từ dạng chủ động sang bị động, người hoặc vật trực tiếp làm ra hành động thì dùng *by*, gián tiếp làm ra hành động thì dùng *with*. Ví dụ:

- *A door is opened with a key.*

Nếu câu chủ động được bắt đầu với chủ ngữ là *people, they, everyone, someone, anyone*, câu bị động rút gọn những chủ ngữ này.

- *Someone stole my bicycle yesterday.* → *My bicycle was stolen yesterday.*

Công thức câu bị động trong tiếng Anh có cấu trúc chung như sau:

Câu chủ động: S + V_(ngoại động) + O → Câu bị động: O + be + V-ed/p.p + by S

Công thức câu bị động trong tiếng Việt có cấu trúc chung như sau:

Câu chủ động: S + V_(ngoại động) + O → Câu bị động: O + bị / được / do + S + V

Điều gây bối rối cho người nước ngoài học tiếng Việt là trong tiếng Anh chỉ có duy nhất một cách thức thể hiện nghĩa bị động trong khi tiếng Việt có tới ba từ thể hiện nghĩa bị động và mỗi từ lại thể hiện một nét nghĩa bị động khác nhau rất tinh tế. Trong tiếng Anh, câu bị động chỉ thuần túy thể hiện sự tiếp nhận bị động của đối tượng thì trong tiếng Việt câu bị động có thể được chia thành tiếp nhận một cách tích cực với *được* và tiếp nhận một cách tiêu cực với *bị*. Ví dụ:

- *A cake is given to Ann by him.* → *Cái bánh được (đưa) cho Ann bởi anh ấy.*

- *Ann is given a cake by him.* → *Ann được (đưa) cho một cái bánh bởi anh ấy.*

- *This university is built by Phenikaa Group.* → *Trường đại học này được xây dựng bởi Tập đoàn Phenikaa.*

- *My bicycle was stolen yesterday.* → *Cái xe đạp của tôi bị mất cắp hôm qua.*

Trên đây là cách dịch từ sang từ, chỉ phù hợp với người học trình độ sơ cấp, và không được người Việt ưa dùng. Việc dùng *bởi* không được coi là tự nhiên trong tiếng Việt, nó chịu ảnh hưởng từ việc dịch sang tiếng Việt từ các ngôn ngữ Ấn - Âu như tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Hơn nữa, việc chỉ rõ chủ thể và hành động bằng cụm S - V với cấu trúc *bị / được / do + (S - V)* vẫn được ưa dùng hơn trong tiếng Việt. Ví dụ:

- *A cake is given to Ann by him.* → *Cái bánh được anh ấy (đưa) cho Ann.*

- *Ann is given a cake by him.* → *Ann được anh ấy (đưa) cho một cái bánh.*

Khi chủ thể của hành động là nguyên nhân dẫn đến sự tiếp nhận và đối tượng là kết quả của hành động thì *do* trong tiếng Việt sẽ được sử dụng để thể hiện nét nghĩa này. Ví dụ:

- *This University is built by Phenikaa Group.* → *Trường Đại học này do Tập đoàn Phenikaa xây dựng.*

Trong một số trường hợp với các động từ có nghĩa tiêu cực như *mất cắp, phạt, thương (tích)*, v.v. người Việt có thể sử dụng cấu trúc O + bị + V, ví dụ:

- *My bicycle was stolen yesterday.* → *Hôm qua cái xe đạp của tôi bị mất cắp.*

Hoặc cấu trúc S + bị + V + O, ví dụ:

- *Hôm qua tôi bị mất cắp cái xe đạp.* → *My bicycle was stolen yesterday.*

- *Tôi bị phạt 200 nghìn đồng.* → *I was fined 200 thousand dong.*

- *Anh ấy bị thương ở Ngã ba Đồng Lộc.* → *He was injured at Dong Loc Junction.*

Trong tiếng Anh chỉ các động từ ngoại động mới có thể tham gia cấu tạo cấu trúc bị động. Trong tiếng Việt một số động từ nội động như *ngã, thiệt thòi*, v.v. cũng có thể được sử dụng với *bị*. Ví dụ:

- *Tôi bị ngã vì đường trơn.* → *I felt because the road was slippery.*

Đặc biệt là với cấu trúc S + bị + N, đây là một hiện tượng độc đáo của tiếng Việt, ví dụ:

- Anh ấy bị một lực cản vô hình. → He was held back by an invisible force.

- Chị ấy bị một phát đạn vào chân. → She was shot in the leg.

- Lan được điểm tốt. → Lan have good notes.

- Lan bị điểm kém. → Lan have bad notes.

Hầu hết các trường hợp sử dụng bị/được/đo trên đều phải được người dạy hướng dẫn người học chuyển dịch sang cấu trúc bị động trong tiếng Anh, đồng thời cũng lưu ý người học cần phải phân biệt rõ nét nghĩa tiêu cực, tích cực, nguyên nhân - kết quả mà cấu trúc câu thể hiện. Cấu trúc bị động trong tiếng Anh chỉ thể hiện sự tiếp thụ hành động mà không có sự phân biệt bất cứ một nét nghĩa nào khác. Trong khi việc sử dụng bị/được/đo trong tiếng Việt phụ thuộc vào nhiều yếu tố như phân tích ở trên. Điều gây bối rối cho người nói tiếng Anh học tiếng Việt là khi gặp bị/được/đo họ tưởng chừng như đã có một tương đương hoàn hảo cả về hình thức và nội dung trong tiếng Anh. Sự khác biệt nằm ở ngữ cảnh và nghĩa tình thái của chúng. Trong các bản dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, đặc điểm tình thái này không được thể hiện vì sợ rằng kết cấu của ngữ đích có thể bị phá vỡ. Hàm ý này có thể được thể hiện bằng cách này hay cách khác trong các bản dịch tiếng Anh, nhưng nó có thể không được đánh giá cao bởi vì người nói tiếng Anh đã quen với cách thể hiện rõ ràng này. Điều này có thể giải thích tại sao các bản dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại thường hơi không tự nhiên.

3. Kết luận

Ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu tự bản thân nó đã có giá trị văn hoá. Người sử dụng ngôn ngữ tự xác định bản thân mình và người khác qua việc sử dụng ngôn ngữ. Ngôn ngữ được coi là biểu tượng cho bản sắc văn hoá xã hội của con người. Ngôn ngữ tượng trưng cho hiện thực văn hoá. Dịch thuật và dạy/học ngoại ngữ không chỉ là hành động ngôn ngữ mà còn là một hành động văn hoá, hành động giao tiếp giữa các nền văn hoá. Dịch thuật luôn liên quan đến cả ngôn ngữ và văn hoá vì ngôn ngữ và văn hoá không thể tách rời nhau. Ngôn ngữ gắn liền với văn hoá. Nó vừa thể hiện và định hình thực tế văn hoá, vừa là ý nghĩa của các mục ngôn ngữ, có thể là từ ngữ hoặc các đoạn ngôn bản lớn hơn, và nó chỉ có thể hiểu được khi được xem xét cùng với bối cảnh văn hoá mà chúng được sử dụng.

Ngôn ngữ bắt nguồn từ văn hoá và văn hoá được phản ánh trong ngôn ngữ. Ngôn ngữ và văn hoá được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Học một ngôn ngữ cũng là học một nền văn hoá mới. Văn hoá liên kết quá khứ, hiện tại và tương lai với nhau. Kiến thức, niềm tin, kinh nghiệm,... được chuyển giao qua ngôn ngữ và văn hoá. Dịch thuật và dạy/học ngoại ngữ không chỉ là chuyển ngữ, mà còn chuyển các giá trị và khuynh hướng của nền văn hoá này sang nền văn hoá khác. Dịch thuật và dạy/học ngoại ngữ có vẻ là cách tốt nhất có thể kết nối các nền văn hoá để tạo ra mạng lưới văn hoá toàn cầu. Văn hoá không thể phát triển ra khỏi các ranh giới cộng đồng nếu không có dịch thuật và dạy/học ngoại ngữ. Dịch thuật và dạy/học ngoại ngữ có thể làm giàu các giá trị văn hoá cho các cộng đồng khác. Người học và người dịch vừa phải vượt qua rào cản ngôn ngữ vừa phải vượt qua rào cản văn hoá nhằm có được những tiền đề cần thiết để hiểu được nội dung thông điệp. Hiểu một thông điệp nghĩa là diễn giải nó dựa trên những nền tảng kiến thức cần thiết. Nếu kiến thức bị thiếu do khác biệt văn hoá nó cần được bổ sung hoặc bù đắp.

Như vậy, ngôn ngữ, với tư cách là một phần của văn hoá thể chế, có mối liên hệ chặt chẽ và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ với các khía cạnh khác của văn hoá. Chính sự khác biệt về văn hoá là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khác biệt giữa các ngôn ngữ. Việc nghiên cứu những biểu hiện ngôn ngữ trong các nền văn hoá sẽ tìm ra cách giải quyết những vấn đề liên quan đến văn hoá trong quá trình dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác và trong quá trình dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brislin, R. (1976). *Translation: Application and Research*. Gardner Press.
2. Bassnett, S. (2002). *Translation Studies*. Routledge. 1st ed. 1980.
3. Byram, M. (1989). *Cultural studies in foreign language education*. Multilingual Matters.
4. House, J. (2009). *Translation*. Oxford University Press.
5. Nida, E. A. (2003). *Toward a Science of Translating*. Brill. 1st ed. 1964
6. Rubel, P. & Rosman, A. (2003). *Translating cultures*. Berg.
7. Sax, B. (2001). *The Mythical Zoo: An Encyclopedia of Animals in World Myth, Legend, and Literature*, ABC-CLIO.
8. Toury, G. (2004). *The nature and role of norms in translation*. In Venuti, Lawrence 2nd ed. *The Translation Studies Reader*, pp. 205-218. 1st ed. 1978.
9. Venuti, L. (2008). *The Translator's Invisibility: A History of Translation*. Routledge. 1st ed. 1995.